

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HS-PT

Ngày: 17-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo N.M.T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2020/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.M.T**, sinh năm 1998 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp PL, xã TT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.M.T và bà N.T.T; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo V.M.L nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/3/2020, anh N.H.S nghe tin cha ruột là ông N.V.Đ.E bị tai nạn trên Quốc lộ 60 (mới) đoạn thuộc ấp AT, xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên từ nhà đến nơi ông N.V.Đ.E bị tai nạn để đưa đi cấp cứu. Trước khi đi bệnh viện, anh N.H.S dẫn xe gắn máy biển kiểm soát 71AA - xxx.xx dựng trên phần đất bờ dừa gần đó và khóa xe lại.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, N.M.T và V.M.L trên đường đi Thành phố Hồ Chí Minh ngang qua đoạn Quốc lộ (mới) nêu trên thì N.M.T phát hiện xe gắn máy biển kiểm soát 71AA - xxx.xx dựng trên phần đất bờ dừa không có người trông coi nên kêu V.M.L dừng xe lại để N.M.T vào lấy trộm làm phương tiện đi lại thì được V.M.L đồng ý.

Sau khi lấy được xe và dẫn ra đầu lộ, N.M.T điều khiển xe mô tô đã sử dụng trước đó, kè đẩy xe trộm được do V.M.L cầm lái rời khỏi hiện trường, cả hai cùng rút dây nguồn của xe trộm được rồi mang về huyện VL, tỉnh Vĩnh Long cất giấu. Để tránh bị phát hiện, N.M.T tháo biển kiểm soát 71AA - xxx.xx, mặt nạ và cặp bửng chắn phía trước của xe để thay đổi đặc điểm và gắn biển kiểm soát giả 50DB - xxxx vào xe để sử dụng, đến ngày 29/4/2020 thì bị phát hiện.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu SYM, số loại Elegant, số máy VMSE1AHxxxxxx, số khung RLGSC05MHFHxxxxxx, màu sơn xanh - trắng - đen được gắn biển kiểm soát 50DB - xxxx; 01 (một) biển kiểm soát 71AA - xxx.xx; 01 (một) mặt nạ xe bằng nhựa, màu xanh - trắng - đen; 01 (một) cặp bửng chắn phía trước, màu xanh - trắng - đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre kết luận: xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại Elegant, màu sơn xanh - trắng - đen, số máy VMSE1AHxxxxxx, số khung RLGSC05MHFHxxxxxx, bánh cãm, thắng đùm có giá trị 5.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2020/HS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.M.T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V.M.L, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2020 bị cáo N.M.T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 tháng tù. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.M.T 04 (bốn) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác

định: vào khoảng 23 giờ ngày 29/3/2020, trên Quốc lộ 60 (mới) đoạn thuộc ấp AT, xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, lợi dụng lúc không có người trông coi tài sản, các bị cáo N.M.T và V.M.L đã có hành vi lén lút lấy trộm của anh N.H.S một xe gắn máy biển kiểm soát 71AA - xxx.xx trị giá 5.000.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều của 51 Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 04 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng vào việc không có người quản lý tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại 01 xe gắn máy trị giá 5.000.000 đồng; bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Tuy nhiên; thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều của 51 Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội tài sản chiếm đoạt đã được giao trả lại cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù

mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo N.M.T; sửa Bản án sơ thẩm số: 23/2020/HS-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.M.T 04 (bốn) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 17/11/2020;

Giao bị cáo N.M.T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo N.M.T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V.M.L, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng

ng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã TT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông